TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN GÒ VẤP** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:1621/2022/HNGĐ-ST Ngày 14-10-2022 V/v ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Mai

Bà Trương Thị Hồng Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh - Thư ký Tòa án án nhân dân quận Gò Vấp

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp: Bà Đinh Hương Liên - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1053/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 423/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông A; địa chỉ: Số N, phường 16, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Bà T; Địa chỉ: Số N, phường 16, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/7/2022 và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là ông A trình bày: Ông và bà T tự nguyện kết hôn năm 2012 và đăng ký tại Uỷ ban nhân dân phường 8, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Sau khi chung sống được một thời gian thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do đôi bên bất đồng quan điểm, cách sống và các vấn đề kinh tế chung của gia đình. Đôi bên đã cố gắng tự giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Tình trạng xung đột vợ chồng ngày càng trầm trọng, ngày 14/2/2022, ông và bà T cùng ký đơn thuận tình ly hôn.

Ngày 8/7/2022, Tòa án thụ lý giải quyết việc thuận tình ly hôn của ông, bà. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết, bà T vắng mặt.

Nay ông A nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, quan hệ vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên ông yêu cầu được ly hôn với bà T

Về con chung: Ông và bà T có 02 con chung tên Lý Nguyễn A sinh ngày 07/10/2012 và Lý Nguyễn N sinh ngày 10/01/2019. Ông A đồng ý giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung. Ông A cấp dưỡng nuôi mỗi trẻ là 7.500.000 đồng/tháng

Về tài sản chung và nợ chung: Ông A không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà T vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc và vắng mặt tại phiên tòa dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Qua kiểm tra việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng cũng như thời hạn gửi các văn bản tố tụng cho các đương sự và hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp nghiên cứu.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Ý kiến việc giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì việc ông A yêu cầu ly hôn với bà T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Toà án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến tham gia phiên toà vào ngày 21/9/2022 và ngày 14/10/2022 nhưng bị đơn vắng mặt. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 2 Điều 227, khoản

1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án vẫn tiến hành phiên toà theo quy định của pháp luật.

- Tòa án đã triệu tập bà T tham gia phiên hòa giải đoàn tụ nhưng bà T vắng mắt không có lý do. Vì vậy việc hòa giải đoàn tụ không thành, Căn cứ khoản 5 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết việc dân sự yêu cầu công nhân thuận tình ly hôn và thụ lý vụ án hôn nhân gia đình để giải quyết theo thủ tục chung của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 19/2012 quyển số 01/2012 do Uỷ ban nhân dân phường 8, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên cấp ngày 09/4/2012 thể hiện quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, HĐXX xét thấy: Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, biên bản ghi nhận lời khai và các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án thể hiện mâu thuẫn gia đình giữa nguyên đơn và bị đơn đã nghiêm trọng, mục đích hôn nhân đã không đạt được. Nguyên đơn và bị đơn đã cùng ký tên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Tòa án đã nhiều lần phân tích, động viên ông A hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng nguyên đơn cương quyết yêu cầu ly hôn. Hơn nữa, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến làm việc nhưng vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện, bà T thờ ơ, không quan T đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Xét thấy hôn nhân phải là sự tự nguyện từ hai phía, vợ chồng phải yêu thương tôn trọng lẫn nhau, thống nhất với nhau về suy nghĩ và quan điểm cách sống. Đôi bên phải quý trọng, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, chia sẻ, bàn bạc giải quyết các vấn đề chung thì mục đích hôn nhân mới đạt được. Nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc ông A yêu cầu ly hôn với bà T là có cơ sở để chấp nhận.

Về con chung: Ông A đồng ý giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung tên Lý Nguyễn A sinh ngày 07/10/2012 và Lý Nguyễn N sinh ngày 10/01/2019.

Ông A xác nhận hiện nay, hai con chung đang sống ổn định với bà T. Để bảo đảm duy trì ổn định môi trường sống của trẻ, HĐXX quyết định giao trẻ Lý Nguyễn Asinh ngày 07/10/2012 và Lý Nguyễn N sinh ngày 10/01/2019 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông A cấp dưỡng nuôi mỗi trẻ là 7.500.000 đồng/tháng

Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu tòa án giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp án phí đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 220, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông A:

Về quan hệ hôn nhân: ông A được ly hôn với bà T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 19/2012 quyển số 01/2012 do Uỷ ban nhân dân phường 8, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên cấp ngày 09/4/2012 hết hiệu lực.

Về con chung: Giao con chung Lý Nguyễn Asinh ngày 07/10/2012 và Lý Nguyễn N sinh ngày 10/01/2019 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông A cấp dưỡng nuôi mỗi trẻ là 7.500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng lần lượt cho đến khi trẻ đủ 18 tuổi. Ông A phải thi hành ngay theo quy định của khoản 2 Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Ông A có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 600.000 đồng. Ông A phải nộp nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0048833 ngày 08/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Ông A còn phải nộp án phí là 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q.Gò Vấp;
- THA DS Q.Gò Vấp;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự
- Lưu

Nguyễn Hoàng Linh